

Bản án số: 22 /2019/HSST
Ngày 28/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Giang
2. Bà Nguyễn Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân Ký - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 28/11/2019 Tòa án nhân dân huyện T xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2019/TLST- HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST ngày 18/11/2019 đối với bị cáo: **Lâu Văn S**; Ngày sinh: 03/7/1980; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện tại: Tổ 1, Phường N, Thành phố C, tỉnh C

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12;

Con ông: Lâu Văn K(đã chết năm 1995);

Con bà: Hoàng Thị L (đã chết năm 2000);

Vợ: Nông Thị H; Sinh năm: 1976;

Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, Phường N, Thành phố C, tỉnh C

Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Con: Lâu Thanh Đ; Sinh năm: 2000;

Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, Phường N, Thành phố C, tỉnh C

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh C từ ngày 26/10/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2.2. Người bị hại: Lãng Quốc V; Sinh 06 tháng 01 năm 2001;

Trú tại: Thôn N, xã , huyện T, tỉnh C. Có mặt tại phiên tòa.

2.3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Lãng Văn T; Sinh năm 1977.

Trú tại: Thôn N, xã , huyện T, tỉnh C. Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ ngày 25/10/2019, bị cáo Lầu Văn S sinh năm 1980, trú tại Tổ 1, phường N thành phố C, tỉnh Cao B bắt xe khách đi xuống chợ cũ Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C để gặp ông Phạm Quang S (sinh năm 1967, trú tại H, huyện G, tỉnh N) đang làm quản lý công trình xây dựng để xin việc, nhưng không gặp được nên S đã đi bộ lên khu vực cổng trường Trung học phổ thông huyện T để bắt xe khách về. Khoảng 11h11 phút S đi lên đứng tại vỉa hè trước cơ quan Khối đoàn thể huyện T thuộc tổ dân phố 3, Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C. Trong lúc đứng đợi bắt xe, thấy trong túi áo khoác đang mặc có chiếc chìa khóa xe mô tô cũ của mình nên S đã nảy sinh ý định trộm cắp xe máy để ở vỉa hè trước cơ quan khối đoàn thể. Bị cáo S lấy chìa khóa mở 03 (ba) chiếc xe, đến chiếc xe thứ ba là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 11F9-6758 thì mở được. Khi mở được bị cáo S không lấy xe ngay mà tiếp tục đứng đợi đến khoảng 11h 35 phút, bị cáo S dắt một chiếc xe mô tô màu đỏ đi ra ngoài để lấy lỗi dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 11F9-6758 đi sang bên kia đường, rồi lấy mũ bảo hiểm màu xanh treo tại xe đợi lên đầu, rồi nổ máy điều khiển xe đi về thành phố C và tiếp tục đi đến một con đường đất thuộc địa phận xóm Bản T, xã H, huyện H A, tỉnh C để cất giấu. Tại đây, S lấy chìa khóa mở cốp xe thấy có 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô xe máy mang tên Lãng Văn T; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lãng Quốc V; 01 (một) chiếc kéo kim loại màu đen. Bị cáo S đã dùng chiếc kéo để tháo biển số xe cất vào cốp và tháo giá để hàng gắn với yếm xe rồi dùng tay vặn tháo 01 (một) bên móc treo đồ. Sau đó, bị cáo S ném giá để hàng, móc treo, chiếc mũ bảo hiểm, giấy đăng ký xe, chứng minh nhân dân và chiếc kéo vào bụi cỏ ven đường rồi đi bộ ra Bến xe khách Thành phố C bắt xe khách đi xã C, huyện T, tỉnh C để cất đồ đạc xây dựng tại đây và đến trưa ngày 26/10/2019 bị cáo S bắt xe khách quay về nhà tại thành phố C. Khi về nhà tại Thành phố C, bị cáo S bị cơ quan điều tra Công an huyện T triệu tập lấy lời khai, bị cáo S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và dẫn Công an huyện T đến xóm B, xã H, huyện H, tỉnh C đi truy tìm chiếc xe máy biển kiểm soát 11F9-6758. Khi tới nơi, Công an đã thu giữ được 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 11F9-6758; 01 (một)

giấy đăng ký xe mô tô xe máy mang tên Lãng Văn T; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lãng Quốc V.

Cùng ngày 26/10/2019, Cơ quan điều tra huyện T đã ra lệnh khám xét khẩn cấp số 17 đối với chỗ ở của Lầu Văn S, kết quả: không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Trong quá trình điều tra điều tra vụ án, Cơ quan điều tra xác định được chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 11F9-6758 bị cáo Lầu Văn S lấy trộm là của ông Lãng Văn T, sinh năm 1977, trú tại Thôn N, xã L, huyện T, tỉnh C. Chiếc xe này ông T mua mới tại cửa hàng xuất nhập khẩu Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C năm 2008 với giá 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Ngày 25/10/2019, ông Thùy có giao xe cho Lãng Quốc V (là con trai) để đi học tại Trường trung học phổ thông huyện T. Khi đến nơi V để xe tại vỉa hè trước cổng cơ quan Khối đoàn thể huyện T đến khoảng 12 giờ tan học ra lấy xe thì không thấy.

Ngày 25/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra yêu cầu định giá tài sản trong tố tụng số 23 trưng cầu Hội đồng định giá theo tố tụng của huyện T, để xác định giá trị hiện tại của chiếc xe mô tô Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 11F9-6758. Ngày 26/10/2019, Hội đồng định giá có kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐGTS, kết luận: *Chiếc xe mô tô Honda Wave α , màu đen, biển kiểm soát 11F9-6758 có giá trị còn lại là 3.000.000đ (ba triệu đồng chẵn).*

Chiếc xe máy và giấy đăng ký xe cùng giấy chứng minh nhân dân đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại cho chủ sở hữu.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lầu Văn S đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội trộm cắp của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Vật chứng của vụ án: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lầu Văn S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng số: 24/CT-VKSTA ngày 14/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 173; Điểm i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lầu Văn S từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về bồi thường dân sự đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586 và 589 Bộ luật dân sự.

Vật chứng: Không có

Về bồi thường dân sự tại phiên tòa bị hại Lãng Quốc V và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lãng Văn T yêu cầu bị cáo Lầu Văn S phải bồi thường: 01 cái kéo sắt, 01 giá để hàng theo xe, 01 mũ bảo hiểm xe máy do bị cáo trộm xe vứt đi không tìm thấy, tổng trị giá là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Bị cáo Lầu Văn S nhất trí bồi thường,

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Vào khoảng 11 giờ 11 phút, ngày 25/10/2019, bị cáo Lâu Văn S đang đứng chờ xe khách tại vỉa hè trước cơ quan khối đoàn thể huyện Thạch An để về nhà. bị cáo S thấy có nhiều xe mô tô dựng trước vỉa hè nên đã lấy chiếc chìa khóa xe mô tô cũ của mình trong túi áo khoác để mở 03 (ba) chiếc xe mô tô, khi mở đến chiếc xe có nhãn hiệu Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 11F9-6758 của ông Lãng Văn T thì mở được và bị cáo S đã dắt chiếc xe đi sang bên kia đường, rồi nổ máy đi về xóm Bản T, xã H, huyện H A, tỉnh C để cất giấu, với mục đích để sử dụng. Chiếc xe có giá trị là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Tổng trị giá tài sản bị cáo Lâu Văn S trộm được là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Do vậy hành vi của bị cáo Lâu Văn S có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 - Bộ luật hình sự. Cáo trạng số: 24/CT-VKSTA ngày 14/11/2019 của VKSND huyện T, tỉnh C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lâu Văn S là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng lợi dụng sơ hở mắt cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân.

Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành một công dân có ích cho gia đình và xã hội. nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về nhân thân: Bị cáo là người không có tiền án, tiền sự. Phạm tội lần đầu và thuộc hợp ít nghiêm trọng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có
Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với chiếc xe máy và giấy đăng ký xe cùng giấy chứng minh nhân dân đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại cho chủ sở hữu.

Người bị hại Lãng Quốc V yêu cầu Hội đồng xét xử, xử lý hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Kiểm sát viên đề xuất áp dụng các điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, mức bồi thường đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[5] Phần tranh luận: Bị cáo, người bị hại không tranh luận và không có ý kiến gì thêm.

[6] Phần nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở lại hoà nhập cộng đồng và gia đình.

[7] Về bồi thường dân sự tại phiên toà bị hại Lãng Quốc V và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lãng Văn T yêu cầu bị cáo Lâu Văn S Phải bồi thường 01 cái kéo sắt, 01 giá để hàng xe máy, 01 mũ bảo hiểm tổng giá trị là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bị cáo đã vứt đi không tìm lại được. Bị cáo Lâu Văn S nhất trí bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ cần được chấp nhận.

[8] Về vật chứng của vụ án: Không có

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

- Tuyên bố: Bị cáo Lâu Văn S - Phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lầu Văn S - 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 26/10/2019

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586 và 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lầu Văn S có trách nhiệm bồi thường trị giá số tài sản bị mất gồm: 01 cái kéo; 01 giá để hàng theo xe; 01 mũ bảo hiểm bị mất, tổng trị giá là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cho bị hại Lãng Quốc V; Trú tại: Thôn N, xã , huyện T, tỉnh C

3. Về xử lý vật chứng: Không có

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lầu Văn S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, sung công quỹ nhà nước.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đã ký

Đinh Văn Giang

Nông Văn Cường

Đã ký

Nguyễn Thị Hương